

Số: 237/KH-YT

Bình Thạnh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

## KẾ HOẠCH KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 – 2024

Căn cứ văn bản số 635/GDDT ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn kiểm tra cuối học kỳ I, năm học 2023 – 2024.

Thực hiện kế hoạch chuyên môn bậc Tiểu học năm học 2023 – 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ tình hình thực tế, trường tiểu học Yên Thế xây dựng kế hoạch kiểm tra cuối học kỳ I năm học 2023 – 2024 như sau:

### 1. Mục đích yêu cầu:

Việc tổ chức kiểm tra giúp giáo viên nắm vững và nhận thức đúng yêu cầu trong quá trình giảng dạy, đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh, giúp học sinh học tập tự tin, biết được các mặt còn yếu kém về kiến thức, chuẩn kỹ năng cơ bản trong chương trình để sửa chữa và kịp thời giúp đỡ, nhằm phát huy tính cố gắng vươn lên của học sinh. Tổ chức kiểm tra nhẹ nhàng nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm túc, chính xác và khách quan. Khi chấm bài, giáo viên ghi nhận những hạn chế của học sinh trong quá trình làm bài, kèm theo lời nhận xét tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng và rèn luyện cho học sinh trong học kỳ II. Lưu ý giáo viên không tạo áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra.

Không chạy theo thành tích để có kết quả cao. Có biện pháp thích hợp không để học sinh coi bài, chép bài lẫn nhau. Giáo viên tuyệt đối không được nhắc bài cho học sinh chép, phải thực sự tạo công bằng đối với học sinh. Tinh thần trách nhiệm, phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong công việc được giao là niềm tin yêu của xã hội.

### 2. Thời gian kiểm tra:

\* Tuần 17: (Từ ngày 25/12/2023 đến ngày 29/12/2023)

Tổ chức kiểm tra các môn Khoa học, Lịch sử-Địa lý lớp 4, 5; kiểm tra các môn Tin học, công nghệ (lớp 3) và Tiếng Anh.

\* Tuần 18: (Từ ngày 02/01/2024 đến ngày 05/01/2024)

Tổ chức kiểm tra các môn Tiếng Việt và Toán.

Riêng môn Tin học, vì học sinh làm bài kiểm tra theo thời khoá biểu, nếu thực hiện trong tuần 17 không đủ thời gian thì trường có thể tổ chức cho học sinh làm kiểm tra tiếp ở tuần 18.

\* Chương trình: Giới hạn chương trình đến tuần 16.

\* Trường gửi lịch kiểm tra cuối học kỳ I về Tổ Phổ thông (theo địa chỉ mail Cô Hoàng) trước ngày 22/12/2023 và tổ chức kiểm tra đúng theo kế hoạch.

**3. Đề kiểm tra:** Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện (phân công soạn và duyệt đề) theo các yêu cầu sau :

- Thực hiện theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT (Điều 15, Khoản 2, Điểm b và Điều 18, Khoản 2) đối với học sinh lớp 5 và theo Thông tư 27/2020 đối với học sinh lớp 1, 2, 3, 4. Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì; tuy nhiên để có được sự thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, đồng thời đảm bảo sự khách quan, chất lượng của đề kiểm tra, trường thực hiện việc ra đề kiểm tra theo phương án: đề kiểm tra sẽ do giáo viên chủ nhiệm soạn, sau đó nộp về cho tổ chuyên môn. Tổ chuyên môn sẽ gửi cho Ban giám hiệu 2 đề. Ban giám hiệu sẽ chọn lọc, thực hiện biên soạn lại (1 đề chính thức và 1 đề dự phòng) làm đề kiểm tra cho khối.

- Đề kiểm tra đảm bảo tính chính xác và khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh; đảm bảo bám sát theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của từng khối lớp, tỷ lệ kiến thức trong đề được phân bố tương đối như sau:

**\* Khối lớp 1, 2, 3, 4:**

- Đề kiểm tra định kỳ phù hợp với yêu cầu cần đạt và các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức sau: *(Theo các Phụ lục, công văn số 426/GDDT ngày 28 tháng 8 năm 2023 Về hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm 2023-2024)*

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập: **50%**

+ Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự: **30%**

+ Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống: **20%**

**\* Khối lớp 5:**

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc được kiến thức, kỹ năng đã học: **40%**

+ Mức 2: Hiểu kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân: **30%**

+ Mức 3: Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống: **20%**

+ Mức 4: Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt: **10%**

- Đối với học sinh học hoà nhập (có hồ sơ y tế và có giấy xác nhận dạng tật của địa phương), trường có đề thi riêng để đánh giá học sinh theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân.

**4. Việc coi và chấm bài kiểm tra:**

- Trong khi kiểm tra, giáo viên được phân công coi kiểm tra chéo lớp trong khối. *Riêng khối lớp 1, giáo viên chủ nhiệm sẽ coi kiểm tra của lớp mình phụ trách.*

- Tổ chuyên môn tổ chức chấm chéo trong khối và chấm tập trung, đảm bảo tính chính xác, rõ ràng theo thống nhất đáp án.

- Sau mỗi môn kiểm tra, ban giám hiệu có trách nhiệm sinh hoạt đáp án và thống nhất cách chấm bài.

- Bài kiểm tra được giáo viên ghi nhận những hạn chế của học sinh trong quá trình làm bài, kèm theo lời nhận xét tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng và rèn luyện cho học sinh có được kết quả tốt ở cuối học kì I và tiến bộ hơn ở học kì II.

- Bài kiểm tra cho điểm theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân.

\* **Lưu ý:** Việc tính điểm cho bài kiểm tra Tiếng Việt tiếp tục được thực hiện theo quy định tại công văn số 3287/GDDT-TH ngày 08/9/2017 của Sở GDĐT. Kết quả kiểm tra là kết quả trung bình cộng từ 04 kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết.

## **5. Một số lưu ý thống nhất chung:**

\* **Đối với các môn kiểm tra:** cần bám sát những quy định tại Điều 10 Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Lớp 5); Điều 7 Thông tư 27/2020 (lớp 1, 2, 3, 4); Công văn số 3863/GDDT-TH ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

### **\* Ra đề thi theo ma trận:**

+ Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Nội dung kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi.

+ Khung ma trận câu hỏi, mỗi ô trong khung nêu: Hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi.

### **\* Cụ thể đối với từng môn cần lưu ý:**

#### **5.1. Môn Toán**

(Xem kỹ phụ lục 2, công văn số 426/GDDT ngày 28 tháng 8 năm 2023 Về Hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm 2023-2024)

##### **- Thời gian làm bài:**

+ Lớp 1, 2, 3, 4: 35 phút

+ Lớp 5: 40 phút

##### **- Hình thức:**

+ Trắc nghiệm: 3 điểm

+ Tự luận : 7 điểm

##### **- Đối với các mạch kiến thức:**

+ Số học (khoảng 50%): Củng cố về các vòng số và các phép tính trên các vòng số.

+ Đại lượng và đo đại lượng (khoảng 27%): tập trung về các bảng đơn vị đo.

+ Yếu tố hình học (khoảng 23%): Xoay quanh các hình trọng tâm trong chương trình đã học.

(Riêng đối với lớp 1, 80% dành cho kiến thức số học; 20% dành cho yếu tố hình học và đại lượng)

+ Giải toán có lời văn: tăng cường các bài toán phát triển năng lực, thông qua các tình huống trong thực tế cuộc sống được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng. Không ra các dạng toán khó trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi.

### **\* Lưu ý:**

Lớp 1 : Nhìn mô hình điền phép tính

- Lớp 2: 1 lời giải và 1 phép tính.
- Lớp 3: 2 lời giải và 2 phép tính
- Lớp 4: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính
- Lớp 5: tối đa 4 lời giải và 4 phép tính

## **5.2. Môn Tiếng Việt:**

*(Xem kỹ phụ lục 1, công văn số 426/GDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2023 Về Hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm 2023-2024)*

Bám sát các nội dung quy định tại điều 10 Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và công văn của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các mức độ nhận thức cần đạt trong đề kiểm tra (Khối lớp 5); Điều 7 Thông tư 27/2020 (Khối lớp 1, 2, 3, 4); công văn số 3863/GDĐT-TH ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

- Chú ý khắc phục những điểm góp ý về đề kiểm tra tại các đợt sinh hoạt chuyên môn: Cấu trúc ma trận đề (số điểm từng câu, mức độ nhận thức của câu hỏi, số câu hỏi, tính chính xác của ma trận và đề...), mức độ đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, cách ra câu lệnh, nội dung hỏi ở mức độ nhận thức 4, độ “mở” của đề Viết sáng tạo (Tập làm văn 5)

- Đối với lớp 1, 2, 3, 4: sử dụng các văn bản ngoài sách giáo khoa để xây dựng các nội dung kiểm tra cho môn Tiếng Việt theo Chương trình GDPT 2018.

- Đối với lớp 5: sử dụng các văn bản ngoài sách giáo khoa đối với nội dung Đọc hiểu; khuyến khích sử dụng các văn bản ngoài sách giáo khoa để kiểm tra Đọc thành tiếng.

### **5.2.1. Cấu trúc bài kiểm tra định kỳ môn Tiếng Việt lớp 1:**

*(Xem Mục 4.1, công văn 3863/GDĐT-GDTH ngày 18 tháng 11 năm 2020)*

### **5.2.2. Cấu trúc bài kiểm tra định kỳ môn Tiếng Việt lớp 2, 3:**

#### **A. Bài kiểm tra đọc: (10 điểm)**

##### **1. Đọc thành tiếng (4 điểm)**

- Đọc thành tiếng 01 đoạn/văn bản có độ dài khoảng 60 - 65 tiếng (cuối học kỳ 1 – lớp 2); 65 – 70 tiếng (cuối học kỳ 2 – lớp 2), 70 – 75 tiếng (cuối học kỳ 1 – lớp 3); 75 – 80 tiếng (cuối học kỳ 2 – lớp 3) để kiểm tra đọc trong thời gian 01 phút.
- Trả lời 01 câu hỏi, đọc hiểu văn bản đã đọc.

##### **2. Đọc hiểu: (6 điểm)**

- Chọn văn bản để thiết kế câu hỏi, bài tập đọc hiểu theo quy định của chương trình GDPT môn Ngữ văn về độ dài, thể loại, nội dung,...
- Câu hỏi đọc hiểu văn bản (khoảng 4 điểm)
- Câu hỏi kiến thức Tiếng Việt (khoảng 2 điểm)

#### **B. Bài kiểm tra viết: (10 điểm)**

##### **1. Viết chính tả: (4 điểm)**

- Viết một đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 45 – 50 chữ (cuối học kỳ 1 – lớp 2); 50 – 55 chữ (cuối học kỳ 2 – lớp 2), 60 – 65 chữ (cuối học kỳ 1 – lớp 3), 65 – 70 chữ (cuối học kỳ 2 – lớp 3) trong thời gian 15 phút.
- Không sử dụng văn bản đã học.

## **2. Viết đoạn văn, văn bản (6 điểm)**

- Viết đoạn văn, văn bản theo một trong các yêu cầu cần đạt về kỹ năng viết đoạn văn, văn bản theo CT GDPT môn Ngữ văn đối với từng khối lớp.
- Không sử dụng văn bản đã học.

### **5.2.3. Cấu trúc bài kiểm tra định kỳ môn Tiếng Việt lớp 4:**

#### **A. Bài kiểm tra đọc (10 điểm)**

##### **1. Đọc thành tiếng (2 điểm)**

- Đọc thành tiếng 01 đoạn/ văn bản (chọn văn bản theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn), tránh sử dụng văn bản đã học. Gợi ý: Có thể chọn các đoạn văn bản có độ dài khoảng 70 - 80 tiếng (giữa và cuối học kì I), 80 - 90 tiếng (giữa và cuối học kì II) để kiểm tra đọc trong thời gian 01 phút.
- Trả lời 01 câu hỏi đọc hiểu văn bản đã đọc.

##### **2. Đọc hiểu (8 điểm)**

- Chọn văn bản để thiết kế câu hỏi, bài tập đọc hiểu theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn về độ dài, thể loại, nội dung,... Tránh sử dụng văn bản đã học.
- Câu hỏi đọc hiểu văn bản (khoảng 5 điểm), gồm:
  - + 4 câu hỏi trắc nghiệm
  - + 3 câu hỏi tự luận
- Câu hỏi kiến thức tiếng Việt (khoảng 3 điểm), gồm:
  - + 2 câu hỏi trắc nghiệm
  - + 2 câu hỏi tự luận

#### **B. Bài kiểm tra viết (10 điểm)**

- Viết đoạn văn, văn bản theo một trong các yêu cầu cần đạt về kỹ năng viết đoạn văn, văn bản theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn đối với lớp 4.

- Tránh sử dụng các đề bài đã học.

##### **\* Lưu ý:**

- Việc đánh giá kết quả bài kiểm tra định kỳ của học sinh phải căn cứ vào biểu điểm và hướng dẫn chấm đã được thống nhất trong tổ, khối chuyên môn, Ban Giám hiệu phê duyệt. Kết quả bài kiểm tra định kỳ có tính chất củng cố kết quả đánh giá quá trình.

- Phân bổ điểm cho các nội dung kiểm tra:

+ Bài **Đọc**: Đọc thành tiếng: 6 điểm (lớp 1); 4 điểm (lớp 2, 3);  
2 điểm (lớp 4)

Đọc hiểu: 4 điểm (lớp 1); 6 điểm (lớp 2, 3);  
8 điểm (lớp 4)

Lớp 5: thực hiện như năm 2022-2023.

+ Bài **Viết**: Chính tả: 6 điểm (lớp 1); 4 điểm (lớp 2, 3)

Bài tập chính tả, câu (lớp 1)-Viết đoạn văn, văn bản:  
4 điểm (lớp 1); 6 điểm (lớp 2, 3)

Lớp 4: 10 điểm (không có riêng phần điểm viết Chính tả)

Lớp 5: thực hiện như năm 2022-2023.

### **5.3. Môn Khoa học; Lịch sử - Địa lý (lớp 4, 5)**

*(Xem kỹ Phụ lục 4, công văn số 426/GDDT ngày 28 tháng 8 năm 2023 Về Hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm 2023-2024)*

- Khoa học: Kiểm tra cho điểm cuối HK1 và cả năm
- Lịch sử - Địa lý: Kiểm tra cho điểm cuối HK1 và cả năm. (Lớp 5: Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra)

#### **5.3.1 Xác định hình thức đề kiểm tra**

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: có cả câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận. Không quá 6 bài, số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho một bài kiểm tra.

- Thực hiện soạn đề theo ma trận có 3 mức độ.

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập; (50%)

- Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự; (30%)

- Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống. (20%)

#### **5.3.2. Cấu trúc đề kiểm tra:**

- Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (nhiều lựa chọn, chọn Đúng – Sai, điền khuyết – viết tiếp, đối chiếu cặp đôi,...)

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi.

#### **5.3.3. Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn:**

- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình;

- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;

- Không trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;

- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;

- Mỗi phương án nhiều phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức;

- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh;

- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;

- Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn;

- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất;

- Hạn chế đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng”.

#### **5.3.4. Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận**

- Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;

- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

- Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;

- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;
- Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;
- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;
- Yêu cầu học sinh phải hiểu và vận dụng nhiều, nâng cao hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin.

#### **5.4. Môn Tin học và Công nghệ (lớp 3, 4)**

*(Xem kỹ Phụ lục 5, công văn số 426/GDDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2023 Về Hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm 2023-2024)*

Môn Tin học và môn Công nghệ ở lớp 3 thực hiện tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá như hai môn học độc lập, theo CTGDPT môn Tin học và CTGDPT môn Công nghệ; thực hiện điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 phù hợp với việc ghi nhận kết quả đánh giá hai môn học này theo hướng dẫn của BGDĐT.

Chú trọng đánh giá thường xuyên, kết hợp nhiều hình thức đánh giá trong quá trình tổ chức dạy học môn Tin học và Công nghệ, bảo đảm an toàn cho học sinh trong quá trình học tập, thực hành.

##### **5.4.1. Môn Tin học:**

- Cuối mỗi học kì, học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với ba mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT. Bài kiểm tra định kì cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Bài kiểm tra bao gồm:

- + Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)
- + Các câu hỏi tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy (tỉ lệ 50% số điểm)
- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%.

##### **5.4.2. Môn Công nghệ:**

- Cuối mỗi học kì, học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với ba mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT. Bài kiểm tra định kì cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Bài kiểm tra bao gồm:

- + Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)
- + Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm)
- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%.

#### **5.5. Môn Tin học tự chọn (lớp 5):**

Học sinh được đánh giá kết quả học tập theo hướng dẫn tại Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT. Học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với bốn mức độ (Mức 1: 40%, mức 2: 30%, mức 3: 20%, mức 4: 10%).

Bài kiểm tra định kì cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Bài kiểm tra bao gồm:

- + Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm);
- + Các câu hỏi tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy tính (tỉ lệ 50% số điểm).
- Thời gian làm bài kiểm tra: Bài kiểm tra tin học được tiến hành trong thời gian một tiết học, với 30% thời gian cho bài tập Lý thuyết và 70% cho bài tập Thực hành.

- Đề kiểm tra:
  - + Hiệu trưởng chịu trách nhiệm phân công giáo viên ra đề kiểm tra;
  - + Đề kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn tin học được hướng dẫn kèm theo văn bản số 3393/GDĐT-TH, được xây dựng từ ma trận đề kiểm tra.
  - + Khuyến khích ra đề kiểm tra lý thuyết dưới dạng trắc nghiệm, có thể sử dụng các phần mềm tạo trắc nghiệm để chuẩn bị sẵn cho học sinh làm bài trắc nghiệm ngay trên máy tính.
  - + Đề kiểm tra thực hành bảo đảm có từ hai bài tập trở lên từ cơ bản (Thực hành theo mẫu cho sẵn) đến nâng cao (Thực hành sáng tạo).
- Đánh giá: Kết quả kiểm tra là kết quả tổng cộng từ hai phần lý thuyết và thực hành với tỉ lệ 50% lý thuyết và 50% thực hành.

## **5.5 Môn Tiếng Anh:**

### **5.5.1 Nội dung kiểm tra:**

- Nội dung đề kiểm tra cần đáp ứng theo yêu cầu của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ GD&ĐT và tiệm cận với các chuẩn đánh giá quốc tế (Cambridge hoặc TOEFL Primary).

- Học sinh học theo bộ sách nào, đề kiểm tra được soạn trên ngữ liệu của sách đó (*Family and Friends – Special Edition*)

### **5.5.2 Thời gian làm bài kiểm tra:**

Bài kiểm tra cuối học kì I môn tiếng Anh được tiến hành trong thời gian 40 phút cho 03 kĩ năng: Nghe (10 phút), Viết (15 phút), Đọc (15 phút). Riêng kĩ năng Nói, giáo viên kiểm tra theo các tiết dạy trên lớp.

### **5.5.3 Đề kiểm tra:**

*Mức độ đánh giá đối với học sinh chương trình tiếng Anh tiểu học (2 đến 4 tiết/tuần) HK1:*

#### **Tiếng Anh tự chọn (2 tiết/tuần)**

- Lớp 1: không thực hiện kiểm tra cuối học kì I
- Lớp 2: không thực hiện kiểm tra cuối học kì I

#### **Tiếng Anh CTPT 2018 (4 tiết/tuần)**

- Lớp 3: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:
  - + 8/15 khiên của mức độ STARTERS
  - + 2 sao/TOEFL Primary Step 1.
- Lớp 4: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:
  - + 12/15 khiên của mức độ STARTERS
  - + 3 sao/TOEFL Primary Step 1.
  - + 1 hiệu / TOEFL Primary Step 2

#### **Tiếng Anh Đề án (4 tiết/tuần)**

- Lớp 5: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:
  - + 8/15 khiên của mức độ MOVERS
  - + 2 huy hiệu/TOEFL Primary Step 2.

### **5.5.4 Đánh giá:**

Kết quả kiểm tra là kết quả trung bình cộng từ 4 kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết.

## **6. Công việc sau kiểm tra:**

- Hiệu trưởng theo dõi, chỉ đạo việc kiểm tra và thống kê đánh giá, phân tích việc thực hiện đề thông báo trong hội đồng sư phạm về mặt được và chưa được, những hạn chế phải khắc phục ở trường, lớp, từng thành viên trong hội đồng đề làm tốt hơn trong thời gian sắp tới.

- Sau mỗi môn kiểm tra, ban giám hiệu có trách nhiệm sinh hoạt đáp án và thống nhất cách chấm bài, không để xảy ra tình trạng khiếu nại, gây mất đoàn kết trong nhà trường.

- Sau khi chấm bài xong, trường gửi báo cáo thống kê về Tổ Tiểu học theo email Cô Hạnh. Ban giám hiệu có trách nhiệm gửi files toàn bộ đề kiểm tra của các khối lớp (có cả ma trận đề, đáp án) và báo cáo các hoạt động tổ chức thực hiện kiểm tra giữa học kỳ I theo email Cô Hương ngày 12/01/2024.

Trên đây là kế hoạch kiểm tra cuối học kỳ I, đề nghị bộ phận chuyên môn và các giáo viên theo dõi để thực hiện việc kiểm tra cuối học kỳ I nhẹ nhàng, không căng thẳng nhưng thật sự có chất lượng, đạt yêu cầu./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

The stamp is red and circular, containing the text "TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN THẾ" and "HUYỆN QUẢNG BÌNH". A blue ink signature is written over the stamp.  
**HIỆU TRƯỞNG**  
**Lê Hoàng Anh**